

## BÀN VỀ MÔ HÌNH GIÁO HỘI THEO TƯ TƯỞNG GIÁO HỘI HỌC CÔNG GIÁO

*Tóm tắt:* Trên cơ sở tổng quan một số nghiên cứu về mô hình Giáo hội Công giáo, bài viết đặt ra cơ sở lý thuyết, phương pháp và định nghĩa khái niệm để hướng đến một nghiên cứu khác với cách tiếp cận thần học về chủ đề này. Đó là cách tiếp cận nghiên cứu dựa trên lý thuyết cấu trúc - chức năng, lý thuyết hệ hình, phương pháp triết học, phương pháp loại hình học và định nghĩa khái niệm mô hình giáo hội.

*Từ khóa:* Giáo hội học Công giáo, mô hình Giáo hội Công giáo, thần học về giáo hội, Kinh Thánh, lý thuyết cấu trúc - chức năng, lý thuyết hệ hình.

### 1. Nhập đề

Trong số các chuyên khoa thần học Công giáo, Giáo hội học Công giáo giữ vị trí cực kỳ trọng yếu. Bởi khoa thần học này bàn đến đối tượng Giáo hội, một thực thể được xem là nơi quy tụ, duy trì và phát triển sinh hoạt tôn giáo của người Công giáo. Đặc biệt, đường lối thần học trong Giáo hội học lại ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng tổ chức, điều hành hoạt động của Giáo hội Công giáo cũng như xu hướng quan hệ của Giáo hội Công giáo với bên ngoài.

Tuy nhiên, để tìm ra những nội dung căn bản của Giáo hội học Công giáo, trong đó có quan niệm về mô hình Giáo hội không phải là điều dễ dàng. Điều này diễn ra không chỉ đối với riêng các nhà nghiên cứu ngoài Công giáo, mà còn với ngay cả giới thần học gia Công giáo. Bởi vì, Công giáo đã trải qua quá trình tồn tại, phát triển lâu đời, hệ tư tưởng của tôn giáo này lại luôn được bồi đắp, phủ dày bởi hệ thống thần học và triết học Phương Tây. Chính sự đồ sộ về khối lượng kiến thức, sự phức tạp trong quan điểm và trường phái tư tưởng thần học, nên để có được sự khái quát và nhận thức một cách hệ thống đối với quan niệm về mô hình Giáo hội của Giáo hội học Công giáo vẫn là một thách đố đối với các nhà nghiên cứu.

---

\* ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Trong một chuỗi phức tạp các quan điểm thần học như vậy, liệu rằng từ góc độ nghiên cứu khoa học, chúng ta có thể tìm ra được một hệ thống mô hình Giáo hội trong Giáo hội học Công giáo và chỉ ra được những chuyển biến mang tính quy định về mô hình Giáo hội theo dòng tư tưởng thần học này hay không?

Xuất phát từ vấn đề nghiên cứu như thế, bài viết này có ý tưởng tìm hiểu về mô hình Giáo hội theo tư tưởng Giáo hội học Công giáo. Sở dĩ chọn chủ đề mô hình Giáo hội làm đối tượng nghiên cứu vì cách nhận thức mô hình cho phép người nghiên cứu có khả năng giản lược các tính chất cụ thể, ngẫu nhiên để tìm ra những yếu tố mang tính chất tất yếu, quy luật và đưa lại một cái nhìn bao quát, dễ hiểu hơn đối với một hiện tượng khó nắm bắt như thần học, cụ thể ở đây là Giáo hội học Công giáo.

Do đây là một hướng nghiên cứu lâu dài của chúng tôi, nên bài viết này chỉ tập trung vào việc tổng hợp các nghiên cứu có liên quan, đặt khung lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và làm rõ các khái niệm cơ bản. Phạm vi nghiên cứu của bài viết giới hạn từ *Kinh Thánh Tân Ước* đến trước các chuyên khảo Giáo hội học thế kỷ XIV<sup>(1)</sup>.

## **2. Lược khảo quan niệm về Giáo hội trong *Kinh Thánh* và một số tác phẩm thần học tiêu biểu trước thế kỷ XIV**

Bài viết này sử dụng bản *Kinh Thánh Tân Ước* trong *Kinh Thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, do Nhóm Phiên dịch Các giờ kinh Phụng vụ chuyển ngữ<sup>(2)</sup>. Đáng lưu ý, trong *Tân Ước* có các phần liên quan đến đề tài như: *Phúc Âm Nhất Lãm* gồm *Tin mừng theo Thánh Mát-thêu*, *Tin mừng theo Thánh Mác-cô*, *Tin mừng theo Thánh Lu-ca*; *Công vụ tông đồ*; *thư gửi tín hữu Rô-ma*; *các thư gửi tín hữu Cô-rin-tô*, *thư gửi ông Ti-mô-thê* và *thư gửi ông Ti-tô*. Trong *Phúc Âm Nhất Lãm* đáng chú ý các phần *Bài giảng về Giáo hội* ít nhất đã đưa ra quan niệm của *Kinh Thánh Tân Ước* về Giáo hội theo các nghĩa: Giáo hội là Nước Trời, Giáo hội là nhóm hai ba người họp lại cầu nguyện xung danh Chúa Giêsu. Còn sách *Công vụ tông đồ* phần *Cộng đoàn tín hữu đầu tiên* (Cv 2, 42 - 47) cho thấy quan niệm của *Kinh Thánh* về Giáo hội theo nghĩa cộng đoàn, tức chỉ những người được tập hợp, nhóm họp vì một mục đích chung, với các đặc điểm: chuyên cần học hỏi các tông đồ (môn đệ của Chúa Giêsu), hiệp thông với nhau, bẻ bánh và hiệp nhất trong cầu nguyện. Sang *Thư gửi tín hữu Cô-rin-tô*, *Tân Ước* tiếp tục thể hiện một quan niệm khác về Giáo hội. Giáo hội lúc này được ví như hình

ảnh thân thể với nhiều chi thể ám chỉ tính đa dạng và thống nhất của Giáo hội theo tinh thần của Tông đồ Phaolô. Còn *Thư gửi ông Ti-mô-thê* và *Thư gửi ông Ti-tô* đã có những quan niệm về chức vụ trong Giáo hội.

Như vậy, có thể nói, đây là những nội dung chủ yếu trong quan niệm của *Kinh Thánh Tân Ước* về Giáo hội. Nó thể hiện sự đa dạng trong quan niệm về Giáo hội của *Kinh Thánh*, tạo cơ sở của những đường hướng phát triển về sau của Giáo hội học. Nhưng cũng chính sự đa dạng và nhiều khi không thống nhất, rõ ràng về mặt ngôn từ của *Kinh Thánh* cũng gây ra những tranh cãi trong các trường phái thần học.

Tác phẩm thần học *City of God* (Thành đô của Thiên Chúa) của Augustine (*The City of God, Vol. I*, Marcus Dods dịch sang tiếng Anh, Edinburgh, 1913; *The City of God, Vol. II*, The Temple Press Letchworth, London, 1945). Nguyên gốc của tác phẩm này được Augustine viết bằng tiếng Latinh vào thế kỷ V. Tác phẩm gồm có hai phần, chia thành 22 sách. Trong đó, phần I gồm 10 sách, từ sách I đến sách IV phê phán về xã hội Roma đương thời; từ sách VI đến sách X phê phán về triết học ngoại giáo (triết học ngoài triết học Kitô giáo). Phần II của tác phẩm gồm các sách còn lại, từ sách XI đến sách XIV viết về nguồn gốc của hai thành đô; từ sách XV đến sách XVIII viết về tiến trình của hai thành đô; từ sách XIX đến sách XXII viết về sứ mệnh của hai thành đô. Phần II là phần quan trọng của công trình thể hiện quan điểm thần học về Giáo hội của Augustine. Augustine suy tư dựa trên *Kinh Thánh*, triết học Platon, nhất là phái Platon mới và quan điểm nhị nguyên luận của phái Platon, từ đó đưa ra quan điểm tồn tại của hai Giáo hội: Giáo hội trên Trái đất và Giáo hội trên Trời (Thiên Quốc). Cả hai Giáo hội đều do Thiên Chúa tạo ra, nhưng Giáo hội trên Trái đất không trùng lặp hoàn toàn với Giáo hội trên Trời, do còn có những con người tội lỗi. Trong tiến trình vận động, Giáo hội trên Trái đất chỉ là tạm thời và luôn hướng về Giáo hội trên Trời. Đây mới là Giáo hội duy nhất và đích thực, siêu việt và phổ quát. Tư tưởng này của Augustine đã ảnh hưởng rất lớn đến quan niệm về Giáo hội của Công giáo. Giáo hội gồm mặt hữu hình (Giáo hội trên Trái đất) và mặt vô hình (Giáo hội trên Trời). Đây là đặc trưng về đối tượng theo phương pháp Giáo hội học từ trên. Giáo hội đích thực là một Giáo hội siêu việt và phổ quát (công giáo) chứ không phải là Giáo hội hữu hình và cụ thể. Luận đề này của Augustine cực kỳ quan trọng, nhấn mạnh tới tính duy nhất và phổ quát của Giáo hội.

Tác phẩm *Two Treatises on the Hierarchies of Dionysius*, do J. H. Lupton, M. A. chuyển ngữ, London, Bell and Daldly, York Street, 1898. Pseudo Dionysius là một nhà thần học thế kỷ V. Trong tác phẩm này, ông đã đưa ra quan niệm về phẩm trật của Giáo hội trên Trời với 9 cấp bậc: Thiên thần (Angels), Tổng lãnh Thiên thần (Archangels), Lãnh thần (Princedom), Quyền thần (Powers), Dũng thần (Virtues), Quản thần (Dominations), Bệ thần (Thrones), Tuệ thần (Cherubim) và Nhiệt thần (Seraphim)<sup>(3)</sup>. Quan niệm của Pseudo Dionysius củng cố thêm quan niệm về mô hình Giáo hội thời Trung cổ. Theo ông, Thiên Chúa Ba Ngôi đã tạo ra các tồn tại khác cũng như thành lập ra các tổ chức với những cấp bậc khác nhau, kể cả việc thành lập phẩm trật của Giáo hội trên trần gian. Với tác phẩm này, Pseudo Dionysius được xem là người đầu tiên đưa ra khái niệm phẩm trật trong Giáo hội học Công giáo.

Các đoạn trích của những tác phẩm thần học, văn kiện của Giáo hội bàn về Giáo hội thời kỳ trước thế kỷ XIV trong *Giáo hội học qua các tác giả* của Peter Neuner (Đại Chủng viện Thánh Giuse, Hà Nội, lưu hành nội bộ trong Giáo hội), bàn về Giáo hội của Công đồng Constantinople, Công đồng Chalcedoine, Công đồng Laterano IV; bàn về Giáo hội trong các thư, các tác phẩm thần học của các giáo phụ Hy Lạp, các giáo phụ Latinh, của các Giáo hoàng và các nhà thần học Công giáo nổi tiếng như Thomas Aquinas. Những đoạn trích này sẽ làm cơ sở cho việc tìm hiểu các quan niệm về Giáo hội trong lịch sử tư tưởng Giáo hội học Công giáo. Tất nhiên dựa trên đoạn trích rõ ràng không thể nào phản ánh được một cách trọn vẹn quan niệm về Giáo hội của cả một giai đoạn lịch sử dài. Nhưng thiết nghĩ đây cũng là tài liệu rất bổ ích cho nghiên cứu về Giáo hội.

### **3. Một số nghiên cứu về mô hình Giáo hội của các nhà thần học**

Trong khả năng của mình, đến nay, chúng tôi mới tập hợp được một số công trình tiêu biểu của các thần học gia về chủ đề này, có thể chia tương đối theo hai cách tiếp cận chủ yếu: thần học tín lý và thần học lịch sử.

Về thần học tín lý có các công trình của Hans Kung, Avery Dulles, Felipe Gómez, S. J. Trong đó, nhà thần học Hans Kung với các công trình như *The Council in Action: Theological Reflections on the Second Council*, Sheed and Ward, New York, 1963; *Structures of the Church*, (Salvator Attanasio dịch sang tiếng Anh, Nxb. Thomas Nelson & Sons, New York, 1964); *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nguyễn Nghị dịch sang tiếng Việt, Nxb. Tri Thức, Hà Nội, 2010.

Trong tác phẩm *Structures of the Church*, Hans Kung đã phân tích những yếu tố trung tâm hình thành nên tổ chức Giáo hội, đặc biệt là giáo chức và chức vị Giáo hoàng. Cách tiếp cận của Hans Kung dựa trên điểm quy chiếu là *Kinh Thánh* và hướng tới giải thích lại những vấn đề liên quan đến *Kinh Thánh*. Trong phần viết về tính Công giáo của Giáo hội<sup>(4)</sup>, Hans Kung cho rằng, mô hình Giáo hội duy nhất như cách hiểu của thời Trung đại như là một Giáo hội chỉ có một ngôn ngữ, một tổ chức, một Dân Chúa là không giống với *Kinh Thánh* và Giáo hội thời Cổ đại. Theo ông, Giáo hội thời Cổ đại không chỉ dừng lại ở đó, mà còn có nhiều ân sủng, nhiều ngôn ngữ, nhiều Giáo hội, nhiều nghi lễ và nhiều dân tộc. Phần viết về giáo chức<sup>(5)</sup>, Hans Kung khẳng định, trong *Tân Ước* không có tổ chức các linh mục hay giám mục tồn tại ở các cộng đồng Corinth hay Roma. Nó chỉ xuất hiện trong tài liệu của Clement và sau đó được đưa vào học thuyết của Giáo hội. Bản thân chức vụ của Phaolô chỉ tồn tại trong cộng đồng do Phaolô truyền giáo chứ không thể xem đó là hình thức tổ chức duy nhất của Giáo hội. Mục tiêu chung của tác phẩm này chứng minh rằng, Giáo hội như một thiết chế nhấn mạnh vai trò của Giáo hoàng thời Trung đại không đi theo đúng tinh thần của *Kinh Thánh*.

Quan điểm trên còn được Hans Kung tiếp tục thể hiện trong tác phẩm *The Council in Action: Theological Reflections on the Second Council*. Công trình này được Hans Kung viết trong bối cảnh diễn ra Công đồng Vatican II. Ông phê phán mô hình Giáo hội đề cao quá mức ngôi vị Giáo hoàng và xem đó là một Chủ nghĩa Giáo hoàng (Papalism). Hans Kung cho rằng, cái cần thiết của Giáo hội là phải trở về với mô hình Giáo hội thời các tông đồ. Trong Giáo hội thời các tông đồ có một trọng tâm trong sự thống nhất, nó không phải chủ nghĩa tập quyền trung ương (Centralism) về mặt ngôn ngữ, thần học và quản trị; có một quyền bính đối với toàn thể Giáo hội, nhưng không phải hoàn toàn là Chủ nghĩa độc trị mà chỉ là chức vị Phêrô chứ không phải chủ nghĩa Giáo hoàng.

Những phân tích trong hai công trình nêu trên của Hans Kung đưa lại cho những nội dung cụ thể để chúng tôi tiếp thu nghiên cứu các mô hình Giáo hội trong *Kinh Thánh Tân Ước* và thời Trung đại. Tuy nhiên, Hans Kung chủ yếu dừng lại ở việc so sánh giữa các quan niệm về Giáo hội ở thời kỳ sau với quan niệm về Giáo hội trong *Kinh Thánh* theo cách hiểu của ông. Rõ ràng, đây là cách suy tư của một nhà thần học luôn lấy cái nguyên gốc là *Kinh Thánh* làm điểm quy chiếu.

Công trình tiếp theo đáng chú ý của Hans Kung là *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*. Trong công trình này, Hans Kung đã áp dụng lý thuyết hệ hình và thay đổi hệ hình để đánh giá về bảy nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo từ buổi đầu tới hiện tại. Nội dung mà chúng tôi quan tâm chủ yếu trong các phần viết của Hans Kung về Phaolô, Augustine, Thomas Aquinas.

Theo Hans Kung, chính Phaolô là người có công lớn truyền giáo ra vùng Hy Lạp. Quá trình này đã đưa Kitô giáo trở thành tôn giáo thế giới, không phân biệt người theo thuộc dân tộc nào. Từ đây, Hans Kung cho rằng, chính Phaolô đã khởi xướng một sự thay đổi có tính cách hệ hình đầu tiên trong Kitô giáo, từ Kitô giáo gốc Do Thái tới Kitô giáo dân ngoại Hy Lạp. Theo đó, Phaolô là người đã tạo ra tiền đề cho tính phổ quát (công giáo) của Giáo hội. Nếu không có Phaolô thì sẽ không có các giáo phụ Hy Lạp và Latinh.

Hans Kung đánh giá Augustine là người đã đưa ra một hệ hình mới, chuyển từ hệ hình Hy Lạp sang hệ hình Latinh. Đối với lĩnh vực Giáo hội học, cuộc tranh luận thần học của Augustine đối với phái Donatus đã đưa tới cách hiểu Giáo hội nhấn mạnh đến tính cách thể chế và phẩm trật, từ đó tạo cơ sở cho toàn bộ quan điểm thần học về Giáo hội ở Phương Tây về sau. Augustine hiểu Giáo hội không chỉ ở khía cạnh hữu hình, trần thế, mà còn ở khía cạnh vô hình, được gọi là Giáo hội của các thánh nhân.

Riêng đối với tư tưởng về Giáo hội học của Thomas Aquinas, Hans Kung cho rằng, nhà thần học này đã không vượt qua hệ hình tư tưởng thần học của Augustine và lại củng cố khía cạnh thể chế trong quan niệm về Giáo hội của Augustine. Mô hình Giáo hội đề cao ngôi vị Giáo hoàng của Thomas Aquinas tương phản với quan điểm của Giáo hội Hy Lạp và Giáo hội tiên khởi vốn lấy Chúa Kitô làm điểm quy chiếu<sup>(6)</sup>.

Những phân tích của Hans Kung đã gợi mở nhiều ý tưởng cho nghiên cứu của chúng tôi. Thành tựu của công trình còn góp phần vào việc lý giải chuyển biến về mặt tư tưởng thần học về Giáo hội trong giai đoạn từ *Kinh Thánh Tân Ước* đến thời Trung đại do bối cảnh văn hóa tư tưởng của thời đại quy định. Đây cũng là công trình vận dụng khá thành công lý thuyết hệ hình vào nghiên cứu thần học bằng cách chọn lựa các nhà tư tưởng lớn để phân tích. Với cách làm đó, công trình cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống và khái quát cao về một tiến trình tư tưởng thần học thông qua các điểm nhấn.

Tuy nhiên, do là một công trình nghiên cứu với mục đích chỉ ra các hệ hình tư tưởng thần học nói chung, nên Hans Kung chưa chú trọng nhiều tới vấn đề Giáo hội học. Do vậy, nhiều vấn đề Giáo hội học còn chưa được công trình giải quyết một cách cụ thể. Đồng thời, do là một nhà thần học và lại vận dụng lý thuyết hệ hình, nên dường như ông chỉ chú ý tới những xáo trộn về mặt tư tưởng và sự thay thế các tư tưởng lẫn nhau dựa trên những xáo trộn đó. Trong khi những xáo trộn diễn ra về mặt lịch sử xã hội cũng như về mặt lịch sử của Giáo hội chưa được ông phân tích nhiều.

Một tài liệu khác cực kỳ quan trọng là *Models of the Church* của Avery Dulles, Nxb. Doubleday ấn hành vào 2002 tại New York. Đây là bản được tái bản và bổ sung từ bản đầu tiên vào năm 1974. Trên cơ sở lý thuyết hệ hình của Thomas Kuhn, cách tiếp cận so sánh thần học và sử dụng phương pháp xây dựng mô hình, Avery Dulles đã đưa ra năm mô hình Giáo hội: Giáo hội như một thiết chế, Giáo hội như một mẫu nhiệm hiệp thông, Giáo hội như bí tích, Giáo hội như người loan báo Tin mừng, Giáo hội như người tôi tớ phục vụ.

Thành công lớn nhất của Avery Dulles trong công trình này, theo chúng tôi, là việc ông đã vận dụng phương pháp của khoa học để nhìn nhận đối tượng nghiên cứu là Giáo hội. Giáo hội như Avery Dulles hiểu không phải chỉ là một hiện tượng xã hội, mà còn là một hiện tượng tinh thần. Chính từ cách tiếp cận dựa trên lý thuyết hệ hình và phương pháp xây dựng mô hình đã đưa tới kết quả của công trình có sức khái quát và hệ thống rất cao. Nó giúp cho người đọc có thể hình dung một cách tổng quan về các mô hình Giáo hội đã tồn tại trong tư tưởng thần học của Công giáo. Công trình này còn có thêm một đóng góp quan trọng nữa là việc hệ thống và chỉ ra nguồn gốc của các khái niệm cơ bản được đưa vào Giáo hội học như: khái niệm thiết chế, khái niệm hiệp thông.

Mặc dù vậy, theo chúng tôi, công trình của Avery Dulles vẫn có một số điểm còn hạn định. Do tiếp cận dựa trên lý thuyết hệ hình mà thiếu đi cách tiếp cận lịch sử và biện chứng, nên Avery Dulles chưa chú trọng tới sự chuyển hóa và hòa trộn vào nhau giữa các mô hình Giáo hội. Avery Dulles nhìn nhận các mô hình Giáo hội trong sự khác biệt nhau và đặt chúng theo đồng đại mà chưa chú trọng tới lịch đại. Đồng thời, do nhấn mạnh tới khía cạnh chuyển biến về mặt nhận thức và lấy chính những yếu tố tư tưởng để giải thích các mô hình Giáo hội, nên công trình của Avery Dulles chưa thực sự thuyết phục cao. Điều này còn bắt nguồn từ chính

nhãn quan thần học của Avery Dulles. Có thể nói, Giáo hội học thay đổi không chỉ có yếu tố tư tưởng tác động, mà còn chắc hẳn phản ánh xu hướng biến đổi của chính thực thể Giáo hội cũng như bối cảnh văn hóa, xã hội đương thời. Đáng chú ý là, trong phần trình bày về mô hình Giáo hội như một thiết chế, Avery Dulles lại bắt đầu luôn từ thời Trung đại và không hề nhắc tới *Kinh Thánh*. Điều này có lẽ còn do những nguyên nhân trong bối cảnh cải cách Công giáo mà Công đồng Vatican II đưa ra. Nhưng chúng tôi không đồng ý với quan điểm của Avery Dulles, ít nhất là trong tác phẩm này của ông. Vì các nhà thần học và nhiều tác giả nghiên cứu khác đều cho rằng, ngay trong *Kinh Thánh* đã manh nha có mô hình Giáo hội theo hướng thiết chế hóa với cơ cấu tổ chức phẩm trật.

*Giáo hội học: Thần học tín lý tập 3, 4* của Felipe Gómez, S. J., An tôn & Đuốc sáng, 2006. Hai tập sách này giống như một cuốn giáo trình về Giáo hội học, trình bày nguồn gốc của Giáo hội, bản tính của Giáo hội, cơ cấu của Giáo hội và đối ngoại của Giáo hội. Hai tập sách trên của Felipe Gómez, S. J., cung cấp những nội dung cụ thể của tư tưởng về Giáo hội trong *Kinh Thánh*. Tuy nhiên, do đây là một cuốn sách viết dưới góc độ thần học, nên tác giả chỉ chú trọng tới chú giải và viện dẫn *Kinh Thánh* chứ không lý giải các quan niệm về Giáo hội do cơ sở văn hóa, tư tưởng và xã hội nào thôi thúc hình thành nên. Ở nhiều điểm, nhất là phần bản tính của Giáo hội, Felipe Gómez, S. J., đã kế thừa quan điểm thần học về Giáo hội của Avery Dulles trong *Models of the Church*. Song các mô hình Giáo hội mà cuốn sách đề cập tới vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi nghiên cứu của Avery Dulles. Đồng thời, tác giả chủ yếu tập trung vào những vấn đề cụ thể và thể hiện quan điểm của mình dưới góc độ thần học.

Về thần học lịch sử có các tác giả như: Yves Congar, Alexandre Faivre. Trong đó, *After Nine Hundred Years: The Background of the Schism between the Eastern and Western Churches*, Fordham University Press, New York, 1959 của Y. Congar đã phân tích sự chia rẽ Công giáo và Chính Thống giáo về mặt Giáo hội học. Theo Y. Congar, sự khác biệt giữa lý luận Giáo hội học của Công giáo và Chính Thống giáo không phải ở góc độ giáo lý, mà nằm ở truyền thống giáo luật. Mặc dù quan niệm về mầu nhiệm Giáo hội của Phương Đông và Phương Tây cơ bản giống nhau, nhưng truyền thống giáo luật của hai bên lại khác nhau do có sự phát triển khá độc lập, đến mức từ rất sớm đã trở thành đối lập và xung khắc với nhau. Trong khi Giáo hội học ở Phương Tây tập trung vào vấn đề chức Giáo trưởng và Bất khả ngộ của Tòa Thánh Roma và cuối

cùng đã đẩy vấn đề này lên thành định nghĩa giáo điều chính thức. Còn các đại công đồng được tổ chức ở Phương Đông lại không bao giờ quy định “một chức Giáo trưởng hoàn vũ với quyền năng tối cao”<sup>(7)</sup>. Những phân tích này của Y. Congar rất hữu ích cho nghiên cứu về mô hình Giáo hội trong thời kỳ sau *Kinh Thánh Tân Ước*.

Trong cuốn sách *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội* (bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Đăng Trúc, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010), Alexandre Faivre chứng minh có ba giai đoạn trong lịch sử của các cơ chế Giáo hội thời Cổ đại và cả những tư tưởng thần học về Giáo hội trong giai đoạn đó. Trước hết là thời kỳ không có giáo dân. Thời kỳ này kéo dài trong hai thế kỷ đầu, tín đồ Kitô giáo tập trung vào trung tâm là Chúa Kitô. Thời kỳ thứ hai là từ cuối thế kỷ II đến nửa đầu thế kỷ III. Đây là thời kỳ có các ý niệm về giáo dân và giáo sĩ. Thời kỳ thứ ba là từ giữa thế kỷ III trở về sau. Thời kỳ này Giáo hội học bước vào việc củng cố sự hội nhập chính thức của Giáo hội vào xã hội dân sự thời Constantino, với các nhà thần học như: Cypriano, Clemente thành Alexandria, Tertuliano thành Carthage<sup>(8)</sup>.

Trong công trình này, Alexandre Faivre đã sử dụng phương pháp sử học để tiếp cận và có dẫn dụ những bằng chứng trong lịch sử Giáo hội và lịch sử Giáo hội học chứ không chỉ dừng lại ở việc dẫn dụ *Kinh Thánh*. Công trình giúp cho người đọc hiểu sâu sắc hơn quan niệm thần học về Giáo hội trong giai đoạn đầu. Theo đó, mô hình Giáo hội thời kỳ này nhấn mạnh một cách tích cực tình trạng không giai cấp, không phân chia ở bên trong các cộng đoàn Kitô hữu. Điều này được mô tả trong sách *Công vụ tông đồ*<sup>(9)</sup>. Alexandre Faivre cho rằng, trong hai thế kỷ đầu, sự thống nhất của Giáo hội còn quy hướng vào Thiên Chúa, đúng hơn là quy hội về Chúa Giêsu. Đến thế kỷ III đã xuất hiện quan niệm về một kiểu mẫu Giáo hội mới khác với trước đó<sup>(10)</sup>. Về điểm này, chúng tôi không đồng ý với tác giả. Đúng là Cypriano đã đưa ra quan niệm về sự phân cấp giữa giáo dân và giáo sĩ. Nhưng không thể vì thế mà coi tư tưởng của ông là kiểu mẫu trong quan niệm về Giáo hội như một thiết chế cho cả một thời kỳ về sau. Vì thực tế, quan niệm của Cypriano chưa đặt ra vấn đề thống nhất toàn bộ các Giáo hội địa phương, mà mới chỉ dừng lại ở việc đặt ra cơ cấu tổ chức. Do vậy, chúng tôi vẫn xếp Cypriano vào giai đoạn Giáo hội học trước thế kỷ IV, và chỉ xem ông như một bước đệm để Giáo hội học thực sự chuyển sang một hệ hình mới, kiểu mẫu mới với sự xuất hiện của Augustine.

Như vậy, qua các công trình nêu trên, các nhà thần học đã phân tích nhiều khía cạnh sâu sắc về mô hình Giáo hội. Chỉ ít thì các công trình cũng chỉ ra hai mô hình lớn về Giáo hội là mô hình Giáo hội nguyên thủy thời *Tân Ước* và mô hình Giáo hội thiết chế (cả hữu hình và vô hình) thời Trung đại. Tuy nhiên, theo chúng tôi, chủ đề này vẫn còn ba vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm, cụ thể:

*Một là*, việc tìm hiểu quan niệm về Giáo hội từ góc độ nghiên cứu khác với quan điểm thần học như đa phần các công trình trên. Nghiên cứu của chúng tôi ngoài việc tiếp thu các giải thích đối với những thay đổi quan niệm về Giáo hội dưới góc độ tiếp cận tư tưởng, còn phải bổ sung thêm những lý giải từ góc độ tiếp cận duy vật lịch sử. Như thế, các chuyển biến trong tư tưởng không chỉ dựa theo những thay đổi về tư tưởng, mà còn do những thay đổi từ chính bối cảnh lịch sử xã hội và lịch sử Giáo hội Công giáo thời kỳ đó thúc đẩy và bản thân các nhà thần học thấy cần thiết phải thay đổi quan điểm thần học của mình.

*Hai là*, nghiên cứu của chúng tôi sẽ phân tích quan niệm về mô hình Giáo hội chú ý nhiều tới cách tiếp cận lịch đại kết hợp với đồng đại và biện chứng. Các nghiên cứu nêu trên chưa đề cập tới sự chuyển biến các mô hình Giáo hội theo dòng tư tưởng thần học. Riêng Hans Kung, trong tác phẩm *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, có chú ý tới bước đệm chuyển biến trong tư tưởng thần học. Đó là các cuộc khủng hoảng tư tưởng. Nhưng tác phẩm này lại chủ yếu bàn tới chủ đề tư tưởng thần học nói chung mà chưa đề cập tới tư tưởng Giáo hội học nhiều. Còn Avery Dulles tuy có tổng kết các mô hình chung, nhưng lại chưa cho thấy sự liên hệ đan chéo vào nhau. Nói cách khác, nghiên cứu của chúng tôi phải làm sao vừa đưa ra được hệ thống các mô hình, vừa đặt chúng trong tương quan biện chứng với nhau, từ đó chỉ ra tính quy luật trong tư tưởng thần học về Giáo hội. Điều đó sẽ giải đáp vấn đề liệu những thay đổi trong quan niệm về mô hình Giáo hội có phải là sự khách quan và tất yếu hay không.

*Ba là*, nghiên cứu của chúng tôi hướng tới việc xây dựng các mô hình Giáo hội để hệ thống hóa các quan niệm về Giáo hội và giúp cho việc nhận thức về vấn đề này một cách bao quát và hệ thống.

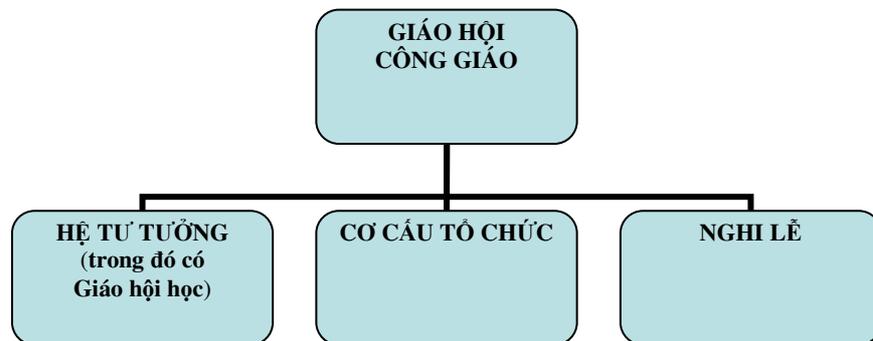
#### **4. Một cách tiếp cận nghiên cứu khác về mô hình Giáo hội**

##### **4.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu**

##### **4.1.1. Lý thuyết cấu trúc - chức năng**

Lý thuyết xã hội học này với các đại diện tiêu biểu như Auguste Comte, Émile Durkheim, Talcott Parsons cho rằng, xã hội như một hệ thống, một chỉnh thể bao gồm các thành phần cấu thành có những quan hệ phụ thuộc lẫn nhau và chịu sự chi phối bởi các chuẩn mực xã hội. Trong quá trình tương tác, các thành phần cấu thành hệ thống phải ở đúng vị trí và thực hiện đúng chức năng của mình thì sẽ tạo nên cơ sở thúc đẩy sự cố kết và ổn định của hệ thống. Thuyết cấu trúc - chức năng nhấn mạnh đến hội nhập để duy trì sự tồn tại, thống nhất. Trường hợp có sự biến đổi xung đột thì được thuyết này xem như là rối loạn chức năng vì nó đe dọa sự cân bằng của cả hệ thống. Lý thuyết cấu trúc - chức năng được ứng dụng trong xã hội học tôn giáo, xem tôn giáo như một hình thức được tổ chức và thể chế hóa của cái thiêng liêng, từ đó tạo ra các chuẩn mực tập thể và ý thức xã hội<sup>(11)</sup>.

Từ cách nhìn nhận như vậy, chúng tôi giả định Giáo hội Công giáo là một hệ thống bao gồm các tiểu hệ thống hay thành phần cấu thành chính: tư tưởng, cơ cấu tổ chức và nghi lễ. Đồng thời, đến lượt những thành phần này cũng là tiểu hệ thống với các yếu tố cấu thành nhỏ và mỗi thành phần đều có chức năng của nó để ổn định hệ thống bao chứa. Theo đó, Giáo hội học Công giáo là một thành phần cấu thành của tư tưởng thần học Công giáo tham gia thực hiện chức năng tư tưởng của hệ thống Giáo hội Công giáo. Chuyên khoa thần học này lại lấy chính Giáo hội làm đối tượng nhận thức.



Vì thế, trên cơ sở lý thuyết cấu trúc - chức năng, để đảm bảo tính chỉnh thể của tổ chức Giáo hội, có thể thấy rằng, tư tưởng về Giáo hội trước hết phải biện luận cho sự tồn tại của Giáo hội Công giáo và góp phần vào sự ổn định cho chính tổ chức Giáo hội cả về mặt hệ tư tưởng và cơ cấu tổ chức. Điều đó tất yếu dẫn đến yêu cầu Giáo hội học phải đưa ra những mô hình Giáo hội đáp ứng được nhu cầu tồn tại, xây dựng sự thống nhất của

thực thể Giáo hội. Từ những mô hình này, Giáo hội sẽ triển khai xây dựng chính tổ chức và hoạt động trong thực tiễn của mình. **Ngược lại, trong trường hợp những quan niệm lệch chuẩn theo quan niệm chính thống gây ra những biến động và xung đột sẽ bị loại trừ hoặc thúc đẩy sự thích nghi của Giáo hội nếu Giáo hội muốn tồn tại như một thể thống nhất.**

Vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng vì thế đem lại cái nhìn tổng quát về xu hướng vận động tư tưởng về Giáo hội theo hướng thiết chế hóa của Giáo hội học Công giáo thời kỳ từ *Kinh Thánh Tân Ước* đến trước các chuyên khảo Giáo hội học thế kỷ XIV.

#### 4.1.2. Lý thuyết hệ hình

Thuật ngữ “hệ hình”<sup>(12)</sup> (Paradigm), còn gọi là “mẫu hình” hay “chuẩn thức”, là một khái niệm do nhà khoa học luận Thomas Kuhn đưa ra trong tác phẩm *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học* xuất bản năm 1962<sup>(13)</sup>. Nói ngắn gọn, khái niệm hệ hình được Thomas Kuhn định nghĩa là một tổng thể các niềm tin, các giá trị, kỹ thuật được các thành viên của một nhóm nhất định nhìn nhận, và nó là những giải pháp cụ thể được cộng đồng đó sử dụng như những mô hình mẫu để giải quyết các vấn đề khoa học đặt ra. Nói cách khác, hệ hình (hay mẫu hình) giống như một giải pháp điển hình cho những bài toán đó được đặt ra đối với khoa học. **Thomas Kuhn cho rằng, sự ra đời của một hệ hình mới thay thế mô hình nhận thức trước đó được xem là một diễn tiến phức tạp và luôn bắt đầu từ khủng hoảng của nhận thức. Khi những bất thường được tích tụ ngày càng nhiều, khoa học sẽ đi vào thời kỳ khủng hoảng, và vào thời điểm này, một hệ hình mới gộp chung cả những kết quả cũ lẫn những kết quả bất thường vào một cơ cấu duy nhất sẽ ra đời và được chấp nhận.**

Theo nhà thần học Hans Kung, trong lĩnh vực thần học, dựa vào lý thuyết của Thomas Kuhn, người ta có thể gọi hệ hình là những mô hình lớn của sự nhận thức bao quát của thần học và Giáo hội xuất hiện đối diện với những xáo trộn lớn đánh dấu một thời kỳ. Ngoài ra, trong hệ hình lớn lại gồm có những hệ hình nhỏ nữa. Còn theo Avery Dulles, hệ hình là một mô hình thống trị (Dominant Model) có khả năng giải quyết những vấn đề lớn và đa dạng. Trong thần học, hệ hình giúp các thần học gia có thể giải đáp hầu hết vấn đề nào nảy sinh trong tính hợp lý với hệ hình.

Dựa vào lý thuyết này, có thể thấy, tư tưởng về Giáo hội của Giáo hội học Công giáo từ *Kinh Thánh Tân Ước* đến trước các chuyên khảo thế kỷ XIV cũng có những nhận thức mang tính cách hệ hình, trong đó có bao

chứa các mô hình nhận thức thành phần của hệ hình đó. Để có thể phân định được các hệ hình như là mô hình nhận thức bao quát về Giáo hội của Giáo hội học thời kỳ này buộc nghiên cứu của chúng tôi phải tìm ra những dấu mốc khủng hoảng nhận thức thần học về Giáo hội, từ đó đặt ra cơ sở phân loại các mô hình nhận thức bao quát về Giáo hội. Muốn tìm ra dấu mốc khủng hoảng nhận thức thần học về Giáo hội tất yếu phải tìm hiểu lịch sử tư tưởng về Giáo hội của Giáo hội học và lịch sử Giáo hội Công giáo. Đồng thời, muốn khẳng định được mô hình nào là hệ hình thì phải tìm ra mô hình đó có sự ảnh hưởng lớn đối với nhận thức và lịch sử của giai đoạn đó hay không. Cũng dựa theo lý thuyết hệ hình, ngay trong các mô hình nhận thức lớn về Giáo hội sẽ bao gồm những mô hình nhận thức nhỏ. Song những mô hình này không đối lập với mô hình lớn. Mặt khác, chính việc tìm ra những mô hình nhỏ này cũng là cách để có thể tìm ra và khái quát các mô hình nhận thức bao quát về Giáo hội.

Theo hướng như vậy, lý thuyết hệ hình sẽ giúp kiến giải và cung cấp cách tiếp cận để thao tác những nội dung cụ thể, cốt lõi của nghiên cứu. Lý thuyết này không chỉ bổ túc cho lý thuyết tổng quát cấu trúc - chức năng ở chỗ chú ý đến bước chuyển mang tính khủng hoảng, xung đột về mặt tư tưởng để đưa tới một hệ hình mới, mà còn làm rõ xu hướng nhận thức thần học về mô hình Giáo hội phát triển theo hướng thể chế hóa qua những mô hình nhận thức về Giáo hội một cách cụ thể.

## **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

### **4.2.1. Phương pháp Triết học**

Trong phương pháp Triết học, chúng tôi sử dụng phương pháp từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp thống nhất logic và lịch sử; phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Trong đó, phương pháp thống nhất logic và lịch sử được chúng tôi áp dụng vào việc chọn điểm khởi đầu trong nghiên cứu. Khởi đầu trong nghiên cứu Giáo hội học không bắt đầu từ khi những chuyên khảo Giáo hội học Công giáo ra đời vào thế kỷ XIV. Chúng tôi chọn điểm khởi đầu để phân tích là quan niệm về Giáo hội trong *Kinh Thánh Tân Ước*<sup>(14)</sup>. Vì đây được xem là điểm quy chiếu cho những luận đề Giáo hội học Công giáo về sau. Đồng thời, phương pháp này còn áp dụng vào phân tích các mô hình nhận thức về Giáo hội (cái logic) như là sự phản ánh cái lịch sử nhận thức thần học về Giáo hội (Giáo hội học) và do cái lịch sử với tư cách là lịch sử vận động khách quan của Giáo hội quy định.

Phương pháp từ trừu tượng đến cụ thể được chúng tôi áp dụng vào việc hệ thống hóa cái trừu tượng trong tư tưởng Giáo hội học để hình thành nên các sơ đồ mô hình như là cái cụ thể tư tưởng. Nói cách khác, chúng tôi hình thành nên các sơ đồ mô hình trên cơ sở chất liệu tư tưởng, quan niệm về Giáo hội của các nhà Giáo hội học và những phân tích của chúng tôi.

Còn phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng để giải thích cơ sở hình thành và những bối cảnh thôi thúc sự ra đời của các mô hình nhận thức về Giáo hội. Nói cách khác, sử dụng phương pháp này sẽ phải làm rõ được điều kiện, cơ chế nào từ cơ sở lịch sử, xã hội dẫn tới sự ra đời và thay đổi của các mô hình nhận thức về Giáo hội trong lịch sử tư tưởng Giáo hội học Công giáo.

#### 4.2.2. *Phương pháp loại hình học*

Đây là phương pháp dùng để khu trú, phân biệt sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác trong cùng một mối liên hệ, tương quan hoặc cùng một hệ thống. Phương pháp này được áp dụng trong nghiên cứu để phân loại các mô hình nhận thức về Giáo hội trong hệ thống tư tưởng Giáo hội học Công giáo từ *Kinh Thánh Tân Ước* đến trước thế kỷ XIV. Phương pháp này sẽ bổ túc với lý thuyết hệ hình để tiến hành phân loại ra các mô hình với tính cách là hệ hình.

Để tránh nhầm lẫn, cần nói rõ đối tượng nghiên cứu của chúng tôi không phải là mô hình Giáo hội với tính cách là thực thể xã hội, mà là mô hình nhận thức. Tất nhiên trong thực tế hai mô hình này có sự chuyển hóa tác động qua lại với nhau. Nói như vậy để thấy rằng, dù là mô hình nhận thức, ngoài tính tư tưởng phi vật thể, thì nó vẫn mang tính lịch sử.

Việc phân loại các mô hình với tính cách hệ hình cần căn cứ trên hai tiêu chí cơ bản: tính đại diện về đặc điểm tư duy và tính đại diện về ảnh hưởng lịch sử qua các thời kỳ.

### 4.3. *Định nghĩa khái niệm mô hình và mô hình Giáo hội*

#### 4.3.1. *Khái niệm mô hình (Scientific Model)*

Từ điển mở *Wikipedia* định nghĩa: mô hình, theo nghĩa chung nhất, là bất cứ thứ gì được sử dụng bằng bất kỳ cách nào để đại diện cho những vật khác. Có loại mô hình là vật thể vật lý, ví dụ như mô hình đồ chơi có thể được lắp ghép và thậm chí có thể hoạt động như vật mà nó đại diện. Đồng thời, có loại mô hình khái niệm là một loại mô hình được cấu thành

từ các khái niệm, và do đó, nó chỉ tồn tại trong tư duy. Các mô hình khái niệm giúp chúng ta hiểu biết hoặc mô phỏng các đối tượng mà nó đại diện<sup>(15)</sup>. Cũng theo *Wikipedia*, mỗi loại mô hình được sử dụng theo những mục đích khác nhau. Nếu mô hình tổ chức dùng để vận hành, mô hình toán học để định lượng, mô hình đồ họa để hình dung, thì mô hình khái niệm để hiểu hơn về chính chủ thể mà nó đại diện<sup>(16)</sup>.

Còn từ điển bách khoa thư *Encyclopedia Britannica* cho rằng, mô hình là sự đại diện mang tính toán học, khái niệm hoặc vật lý cho một hiện tượng có thực mà rất khó có thể quan sát trực tiếp được. Các mô hình khoa học được sử dụng để giải thích và tiên đoán hoạt động của đối tượng hoặc hệ thống thực. Nó được sử dụng trong rất nhiều ngành khoa học từ vật lý học, hóa học tới sinh thái học và các khoa học Trái đất. Mặc dù mô hình là một thành tố cấu thành trung tâm của khoa học hiện đại, nhưng mô hình khoa học chỉ có tính tối ưu nhất khi nó càng tiệm cận với các đối tượng và hệ thống mà nó đại diện (nhưng không phải là bản sao chính xác). Do vậy, các nhà khoa học luôn quan tâm tới việc cải tiến và điều chỉnh các mô hình<sup>(17)</sup>.

Từ những định nghĩa nêu trên, chúng tôi sử dụng khái niệm mô hình với nghĩa mô hình khái niệm có nội hàm như sau: là sự đại diện tương đối cho một hiện tượng hoặc một hệ thống phức tạp tồn tại thực. Hiện tượng/hệ thống này có thể là tự nhiên, xã hội hoặc tư tưởng; được cấu thành bởi các khái niệm, quan niệm phản ánh những tính chất, diễn biến cơ bản của hiện tượng hoặc hệ thống mà nó đại diện; dùng để giải thích và tiên đoán sự vận động của hiện tượng hoặc hệ thống nó đại diện.

Cũng cần phân biệt giữa khái niệm mô hình và khái niệm mô hình hóa. Mô hình hóa thực chất là thao tác mô phỏng, giản lược các đặc điểm của sự vật, hiện tượng trên thực tế, sắp xếp chúng một cách hệ thống thành mô hình. Thực hiện thao tác mô hình hóa phải có ba thành tố chính: thông tin vào (bao gồm các dạng cơ sở dữ liệu đưa vào để mô hình xử lý); tiến trình xử lý thông tin (bao gồm quá trình tiếp nhận dữ liệu vào, tính toán, phân tích, đánh giá và xuất dữ liệu); thông tin ra (thể hiện ở dạng đồ thị, biểu bảng, báo cáo đánh giá kết quả).

Để có những thông tin đầu vào trước tiên phải giải mã được hiện tượng hoặc hệ thống mà nó đại diện. Trên cơ sở những dữ liệu đó, người nghiên cứu phải mã hóa được và hình thành nên mô hình. Đồng thời, từ mô hình này sẽ cung cấp cho việc giải mã hệ thống thực<sup>(18)</sup>. Tất nhiên,

thông tin ra để giải mã hệ thống thực không phải lúc nào cũng phản ánh trùng khít với sự vật, hiện tượng. Bởi thực tế quá trình nhận thức luôn gặp những trở ngại khiến cho kết quả phản ánh của tư duy khó mà đạt được chân lý một cách tuyệt đối. Cho nên, mô hình chỉ mang tính đại diện cho sự vật, hệ thống tồn tại thực.

#### 4.3.2. *Khái niệm mô hình Giáo hội (Model of Church)*

Nếu hiểu khái niệm mô hình như đã trình bày, có thể cho rằng, mô hình Giáo hội là sự đại diện tương đối cho thực thể Giáo hội. Mô hình đó phải mô tả được những tính chất, diễn biến cơ bản của Giáo hội và có thể dùng để giải thích và dự báo xu hướng vận động của Giáo hội.

Tuy nhiên, nếu dừng lại như vậy có thể dễ dẫn đến sự hiểu nhầm. Chúng tôi không lấy Giáo hội với tư cách là một hiện tượng vật thể, xã hội để nghiên cứu hình thành nên mô hình Giáo hội. Ở đây, đối tượng nghiên cứu là quan niệm về Giáo hội của Giáo hội học Công giáo. Nói cách khác, nghiên cứu này sẽ phải tư duy về tư tưởng vì đối tượng là tư tưởng. Do vậy, mô hình Giáo hội ở đây được hiểu là mô hình đại diện cho Giáo hội trong quan niệm của Giáo hội học Công giáo.

Từ thao tác như trên, chúng tôi sử dụng mô hình Giáo hội với nội hàm sau: là đại diện tương đối cho tư tưởng thần học về Giáo hội trong lịch sử tư tưởng Giáo hội học Công giáo; bao gồm các khái niệm, quan niệm khái quát được những đặc điểm cơ bản của tư tưởng thần học về Giáo hội; nhằm giải thích xu hướng vận động của tư tưởng về Giáo hội trong Giáo hội học Công giáo.

Khái niệm này cũng đặt ra yêu cầu cho người nghiên cứu phải làm sao càng khái quát được sát đúng với thực tế quan niệm về Giáo hội của tư tưởng Giáo hội học Công giáo như nó diễn ra khách quan trong lịch sử thì càng có giá trị khoa học.

### **6. Tạm kết**

Do giới hạn chủ quan, nên bài viết của chúng tôi mới dừng lại ở cách đặt vấn đề và hướng tiếp cận. Mục đích chính trong hướng tiếp cận của chúng tôi không phải đánh giá đúng sai đối với các cách nhìn nhận về Giáo hội. Ở đây, chúng tôi coi những quan niệm về Giáo hội, dù khác nhau, trong lịch sử tư tưởng về Giáo hội là đối tượng nghiên cứu. Điều đó đòi hỏi người nghiên cứu phải phản ánh làm sao đạt được tính khách quan và đa dạng, nhưng đồng thời cũng phải tái hiện đối tượng một cách

có hệ thống với những điểm nhấn là các mô hình nhận thức điển hình về Giáo hội qua các thời kỳ khác nhau.

Trong khuôn khổ một nghiên cứu bước đầu, chúng tôi chỉ đưa ra quan điểm về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu, cũng như các khái niệm cơ bản để làm công cụ tiến hành phân tích những nội dung cụ thể trong quan niệm về mô hình Giáo hội của tư tưởng Giáo hội học Công giáo và chỉ ra những điều kiện nào dẫn tới sự chuyển biến mô hình Giáo hội dần sang hướng thiết chế hóa. Theo chúng tôi, chỉ ít đó là hai mô hình đáng quan tâm: mô hình nhóm theo *Kinh Thánh Tân Ước* và mô hình Giáo hội như thiết chế theo những nhà thần học có ảnh hưởng lớn như Augustine và Thomas Aquinas. Nội dung này chúng tôi dự định tiếp tục thực hiện trong những nghiên cứu về sau./.

---

### CHÚ THÍCH

1. Quan niệm về Giáo hội đã có từ lâu trong *Kinh Thánh*, nhưng phải đến thế kỷ XIV, những chuyên khảo Giáo hội học đầu tiên mới chính thức ra đời với các tác phẩm như *De Regimine Christiano* (1301-2) của James thành Viterbo, *De Ecclesiastica Potestate (On the Church Power)* của Giles thành Roma, *De Postestate Regis et Papae* (1300) của Gioan thành Paris, và *De Ecclesia* (1378) của John Wyclif. Những chuyên khảo về Giáo hội học này tập trung vào vấn đề lớn nhất là quyền lực của Giáo hoàng. Điều này xuất phát từ bối cảnh lịch sử liên quan đến Giáo hội lúc bấy giờ là sự xung đột giữa Giáo hoàng và vua Pháp đã diễn ra trong nhiều thế kỷ. Từ đây dẫn đến cuộc tranh luận giữa hai quan niệm về Giáo hội: xem Giáo hội như một tổ chức tập trung, phẩm trật để bảo vệ quyền cai quản của Giáo hoàng; xem Giáo hội như một cộng đoàn và hướng tới các Giáo hội địa phương. Xem E. A. Ryan, *Three Early Treatises on the Church (Ba chuyên khảo đầu tiên về Giáo hội)*, Theological Studies: 53, <http://www.ts.mu.edu/readers/content/pdf/5/5.2/5.2.1.pdf>.
2. Đến nay đã có ít nhất 3 bản dịch *Kinh Thánh* bằng tiếng Việt, cả *Cựu Ước* lẫn *Tân Ước*, gồm: bản dịch của Linh mục Trần Đức Huân từ bản Latinh phổ thông (Vulgata) xuất bản năm 1959; bản dịch của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn từ những nguyên ngữ Hipri, Aram và Hy Lạp. Mặc dù chưa hoàn thành trọn vẹn, nhưng toàn bộ bản dịch của ông cộng thêm phần bổ sung đã được in sau năm 1975; bản dịch thứ ba của nhóm “Các giờ Kinh Phụng vụ”. Đây được xem là bản dịch tiếng Việt chính xác và thông dụng nhất hiện nay. Về phần này, xem Raymond E. Brown, S. S. (2009), *Trả lời 101 câu hỏi về Kinh Thánh*, Anton & Duốc sáng: 18 - 19.
3. J. H. Lupton (1898), *Two Treatises on the Hierarchies of Dionysius*, Bell and Daldly, York Street: 7 - 20.
4. Hans Kung (1964), *Structures of the Church*, (Salvator Attanasio dịch sang tiếng Anh), Thomas Nelson & Sons, New York: 39 - 52.

5. Hans Kung (1964), *Structures of the church*, sách đã dẫn: 198.
6. Tất nhiên, quan niệm về mô hình Giáo hội theo hướng thiết chế hóa không phải không có những điểm mạnh cho người Công giáo. Theo Avery Dulles, một Giáo hội với cơ cấu chặt chẽ có thể đem lại cho tín đồ “một khoảng không gian ổn định trong một thế giới xoay chuyển một cách chóng mặt từ thái cực này đến thái cực khác”. Xem Avery Cardinal Dulles (2002), *Models of the Church*, Doubleday: 34 - 35.
7. Yves Congar (1959), *After Nine Hundred Years: The Background of the Schism between the Eastern and Western Churches*, Fordham University Press, New York: 61.
8. Alexandre Faivre (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 186 - 217.
9. Alexandre Faivre (2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, sách đã dẫn: 30 - 31.
10. Alexandre Faivre (2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, sách đã dẫn: 322.
11. Xem Sabino Acquavina, Enzo Pace (Lê Diên dịch, 1998), *Xã hội học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 46.
12. Chúng tôi sử dụng cách dịch của dịch giả Nguyễn Nghị trong tác phẩm *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010. Trong Thomas Kuhn (2000), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, dịch giả Chu Lan Đình sử dụng khái niệm “mẫu hình” để chuyển ngữ thuật ngữ “Paradigm”.
13. Xem Thomas Kuhn (Chu Lan Đình dịch, 2000), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Nxb. Tri thức, Hà Nội. Thomas Kuhn (1922 - 1996) đề xướng ra khái niệm “Paradigm” (hệ hình, mẫu hình) có ảnh hưởng khá rộng trong hầu khắp các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ngày nay.
14. Theo Thomas P. Rausch, S. J., để phát triển thần học hiện đại về Giáo hội, người ta phải nghiên cứu sự phát triển của Giáo hội kể từ những cộng đoàn của *Tân Ước*. Xem Thomas P. Rausch, S. J. (2008), *Dẫn vào thần học*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 24. Các nhà thần học nghiên cứu Giáo hội học như Felipe Gómez, S. J., Peter Neuer cũng đều cho rằng, Giáo hội học đã có những khởi điểm ngay từ *Kinh Thánh*. Thậm chí, trên nhiều bình diện, Giáo hội học còn mặc nhiên tồn tại trong thời các giáo phụ và một phần thời kinh viện, mặc dù các chuyên khảo Giáo hội học ra đời muộn.
15. Xem *Scientific Modeling*, [http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific\\_modelling](http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_modelling). Nguyễn Văn tiếng Anh: “In the most general sense, a model is anything used in any way to represent anything else. Some models are physical objects, for instance, a toy model which may be assembled, and may even be made to work like the object it represents. Whereas, a conceptual model is a model made of the composition of concepts, that thus exists only in the mind. Conceptual models are used to help us know, understand, or simulate the subject matter they represent”.

16. Xem *Scientific Modeling*, [http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific\\_modelling](http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_modelling).
17. Xem *Scientific Modeling*, <http://global.britannica.com/EBchecked/topic/387006/scientific-modeling>.
18. Nguyễn Văn Tiếng Anh: “Scientific modeling, the generation of a physical, conceptual, or mathematical representation of a real phenomenon that is difficult to observe directly. Scientific models are used to explain and predict the behaviour of real objects or systems and are used in a variety of scientific disciplines, ranging from physics and chemistry to ecology and the Earth sciences. Although modeling is a central component of modern science, scientific models at best are approximations of the objects and systems that they represent - they are not exact replicas. Thus, scientists constantly are working to improve and refine models”.
19. Xem *Scientific Modeling*, [http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific\\_modelling](http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_modelling). Quy trình này được Wikipedia khái quát qua sơ đồ:



Trong đó: “Causality”: các trở ngại của hệ thống thực cho người nghiên cứu; “Decode”: quá trình giải mã những trở ngại; “Encode”: quá trình mã hóa những thông tin thu được; “Implication”: đọc được ý nghĩa của các thông tin để xây dựng mô hình.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Augustine (1913), *The City of God*, Vol. I, Edinburgh.
2. Augustine (1945), *The City of God*, Vol. II, The Temple Press Letchworth, London.
3. Yves Congar (1959), *After Nine Hundred Years: The Background of the Schism between the Eastern and Western Churches*, Fordham University Press, New York.
4. Avery Dulles (2002), *Models of the Church*, Doubleday, New York.
5. Raymond E. Brown, S. S. (2009), *Trả lời 101 câu hỏi về Kinh Thánh*, Anton & Đuốc sáng.
6. Alexandre Faivre (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hans Kung (1963), *The Council in Action: Theological Reflections on the Second Council*, Sheed and Ward, New York.
8. Hans Kung (1964), *Structures of the Church*, Thomas Nelson & Sons, New York.
9. Hans Kung (Nguyễn Nghị dịch, 2010), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
10. Thomas Kuhn (Chu Lan Đình dịch, 2000), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
11. *Kinh Thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
12. H. Lupton (1898), *Two Treatises on the Hierarchies of Dionysius*, Bell and Daldly, York Street.

13. Peter Neuner, *Giáo hội học qua các tác giả*, Đại Chủng viện Thánh Giuse, Hà Nội.
14. Sabino Acquavina, Enzo Pace (Lê Diên dịch, 1998), *Xã hội học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. E. A. Ryan, *Three Early Treatises on the Church*, Theological Studies, <http://www.ts.mu.edu/readers/content/pdf/5/5.2/5.2.1.pdf>
16. Thomas P. Rausch, S. J. (2008), *Dẫn vào thần học*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
17. *Scientific Modeling*, [http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific\\_modelling](http://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_modelling)
18. *Scientific Modeling*, <http://global.britannica.com/EBchecked/topic/387006/scientific-modeling>

### **DISCUSSION IN MODEL OF CHURCH ACCORDING TO IDEAS OF CATHOLIC ECCLESIOLOGY**

Basing on studies of model of Catholic Church, the article brings forward theoretical basis, method and definition of concept to lead to another research method with theological approach on this subject. This approach bases on structural - function theory, theory of paradigm, theological method, typological method and the definition on the concept of Church.

**Key words:** Catholic Church, the model of Catholic Church, theology on Church, Bible, structural - function theory, theory of paradigm.